**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ BÁO CHÍ**

****

**ĐỒ ÁN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI:**

**Thực trạng và Giải pháp xóa đói giảm nghèo ở thành phố vinh Tỉnh Nghệ An trong giai đoạn hiện nay.**

**Họ và tên: Thò Bá Hải**

**Msv: 205731020510003**

**Lớp: 61b\_Quản Lý Nhà Nước**

**Giảng viên hướng dẫn: TS Nguyễn Thị Lê Vinh**

**Địa Điểm Thực Tập: Phòng Lao Động Thương binh – xã hội, Uỷ ban nhân dân Thành Phố Vinh.**

*TP, Vinh 4/2024*

# LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô giáo đang giảng dạy và làm việc tại Trường Đại Học Vinh nói chung và ngôi nhà thân yêu Khoa chính trị báo chí nói riêng lời chúc sức khỏe và thành đạt. Chúc quý thầy cô giáo luôn thành công trong sự nghiệp giáo dục đào tạo cũng như tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và lời cảm ơn chân thành tới Giảng viên TS Nguyễn Thị Lê Vinh người đã hướng dẫn tận tình đầy trách nhiệm trong suốt thời gian em thực tập và hoàn thành báo cáo đồ án tốt nghiệp này.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến ban lãnh đạo Uỷ ban nhân dân thành phố vinh và các dì các chị trong Phòng lao động thương binh – xã hội, đặc biệt là Dì chuyên viên Nguyễn Hà Xuyên và Dì chuyên viên Nguyễn Thúy Trinh đã tận tình hướng dẫn em trong thời gian thực tập, tạo điều kiện cho em được tiếp xúc với thực tế và đã truyền đạt cho em những kinh nghiệm mà các dì đã làm trong công việc giao nhận, giúp em hoàn thiện đồ án này, cũng như tránh những bỡ ngỡ trước em bước vào công việc thực tế của mình sau khi ra trường.

Trong quá trình đào tạo sinh viên chính quy của Đại học vinh thì thực tập cuối khóa là một khâu vô cùng quan trọng đây là trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế, những kỹ năng thực hành trong công việc của các cơ quan hành chính nhà nước những kiến thức mà chỉ có trong quá trình thực hành thực tế mới có được. Và cũng thông qua quá trình này những sinh viên đã hiểu về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, cơ cấu chức năng, nhiệm vụ nắm vững quá trình thực tập nắm vững các thủ tục hành chính trong cơ quan nhà nước.

Thực hiện sự phân công của nhà trường, đoàn thực tập chúng em được phân công thực tập ở Uỷ ban nhân dân thành phố vinh. Trong quá trình thực tập ở đây được sự giúp đỡ rất nhiệt tình, cùng với sự quan tâm của các cán bộ, các Dì và các chị trong phòng cũng như trong cơ quan đã giúp chúng em hoàn thành quá trình thực tập này, với những hiểu biết nhất định về cơ quan sự nghiệp này.

Trong quá trình thực tập và làm báo cáo chắc hẳn không thể tránh những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô và Phòng lao động thương binh – xã hội Uỷ ban nhân dân thành phố vinh, để bài đồ án được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chúc tất cả qúy Thầy giáo, Cô giáo Khoa chính trị Báo chí Trường khoa học xã hội và Nhân văn nói riêng và Trường Đại học Vinh nói chung cùng với các Bác các Dì Phòng lao động thương binh – xã hội nói riêng và Uỷ ban nhân dân Thành phố vinh nói chung, nhiều sức khỏe luôn thăng tiến trong công việc và đạt được nhiều thành tích mong muốn trong cuộc sống.

Em xin trân trọng cảm ơn !

# DANH MỤC VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | TỪ VIẾT TẮT | NGUYÊN NGHĨA |
|  | HĐND | HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN |
|  | UBND | ỦY BAN NHÂN DÂN |
|  | BKH | BỘ KẾ HOẠCH |
|  | BTC | BỘ TÀI CHÍNH |
|  | BLĐTB & XH | BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI |
|  | TTg | THỦ TƯỚNG |
|  | QĐ | QUYẾT ĐỊNH |
|  | TTLT | THÔNG TƯ LIÊN TỊCH |
|  | NĐ | NGHỊ ĐỊNH |
|  | TT | THÔNG TƯ |
|  | CT | CHỈ THỊ |
|  | MTQG | MỤC TIÊU QUỐC GIA |
|  | XKLD | XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG |
|  | CN | CÔNG NGHIỆP |
|  | TTCN | TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP |
|  | BHYT | BẢO HIỂM Y TẾ |
|  | BHXH | BẢO HIỂM XÃ HỘI |
|  | THCS | TRUNG HỌC CƠ SỞ |
|  | HS, SV | HỌC SINH, SINH VIÊN |

MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN 2](#_Toc165610695)

[DANH MỤC VIẾT TẮT 4](#_Toc165610696)

[**A.** **MỞ ĐẦU** 7](#_Toc165610697)

[**1.** **Lý do chon đề tài.** 7](#_Toc165610698)

[**2.** **Múc đích, nhiệm vụ nghiên cứu.** 8](#_Toc165610699)

[**3.** **Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiê cứu.** 8](#_Toc165610700)

[**3.1** **Khách thể nghiên cứu.** 8](#_Toc165610701)

[**3.2** **Đối tượng nghiên cứu.** 8](#_Toc165610702)

[**3.3** **Phạm vi nghiên cứu.** 8](#_Toc165610703)

[**4.** **Phương pháp nghiên cứu.** 8](#_Toc165610704)

[**5.** **Đóng góp của đồ án.** 8](#_Toc165610705)

[**6.** **Hạn chế của đề tài.** 9](#_Toc165610706)

[**7.** **Cấu trúc của đồ án.** 9](#_Toc165610707)

[**B.** **NỘI DUNG** 10](#_Toc165610708)

[**CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO.** 10](#_Toc165610709)

[**1.** **Quan niệm về đói nghèo** 10](#_Toc165610710)

[**2.** **Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về xóa đói giảm nghèo.** 11](#_Toc165610711)

[3. **Chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xóa đói giảm nghèo**. 12](#_Toc165610712)

[**4.** **Chuẩn nghèo** 19](#_Toc165610713)

[5. **Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở việt nam.** 22](#_Toc165610714)

[**CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ VINH TỈNH NGHỆ AN HIỆN NAY.** 23](#_Toc165610715)

[2. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội. 23](#_Toc165610716)

[2.1 Đặc điểm tự nhiên. 23](#_Toc165610717)

[2.1.1 Vị trí địa lý. 23](#_Toc165610718)

[2.1.2 khí hậu và thời tiết. 24](#_Toc165610719)

[2.2 Đặc điểm kinh tế xã hội. 24](#_Toc165610720)

[2.3 Thực trạng nghèo và những kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo thời gian qua. 27](#_Toc165610721)

[2.3.1 Tình hình nghèo ở thành phố vinh. 28](#_Toc165610722)

[2.3.2 Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở thành phố vinh. 30](#_Toc165610723)

[2.3.3 Công tác giảm nghèo ở thành phố vinh trong thời gian tới. 33](#_Toc165610724)

[2.3.3.1 Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. 33](#_Toc165610725)

[**2.3.3.2** **Đào tạo và nâng cao tay nghề của người lao động.** 35](#_Toc165610726)

[**2.3.3.3** **Một số chính sách đối với người nghèo trong việc phát triển kinh tế giảm nghèo.** 36](#_Toc165610727)

[2.3.3.4 Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi. 37](#_Toc165610728)

[2.3.4 Nguyên nhân và hạn chế. 38](#_Toc165610729)

[2.3.4.1 Nguyên nhân của những yếu kém trong công tác giảm nghèo. 38](#_Toc165610730)

[2.3.4.2 Những hạn chế trong công tác giảm nghèo. 39](#_Toc165610731)

[**CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN TRONG THỜI GIAN TỚI.** 42](#_Toc165610732)

[3. Phương hướng và mục tiêu giảm nghèo. 42](#_Toc165610733)

[3.1 Phương hướng. 42](#_Toc165610734)

[3.2 Mục tiêu 43](#_Toc165610735)

[3.3. Các giải pháp cở bản để giảm nghèo ở thành phố vinh trong thời gian tới. 43](#_Toc165610736)

[3.3.1. Hoạt động tuyên truyền 43](#_Toc165610737)

[3.3.2. Hoàn thiện công tác chỉ đạo - điều hành và cơ chế thực hiện 44](#_Toc165610738)

[3.3.2.1 Cấp cơ sở: 44](#_Toc165610739)

[3.3.2.2 Cấp thành phố: 46](#_Toc165610740)

[3.4. *Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu, tận dụng thế mạnh của địa phương* 47](#_Toc165610741)

[3.5 *Tập trung nguồn lực đầu tư cho vùng nghèo, hộ nghèo.* 48](#_Toc165610742)

[3.6 *Thực hiện tốt hơn chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở* 49](#_Toc165610743)

[3.7 Kiến nghị. 50](#_Toc165610744)

[3.7.1 kiến nghị đối với thành phố vinh. 50](#_Toc165610745)

[3.7.2 kiến nghị đối với tỉnh và trung ương. 50](#_Toc165610746)

1. **MỞ ĐẦU**
2. **Lý do chon đề tài.**

Đói nghèo là một vấn đề mang tính toàn cầu, là một trong những nguyên nguyên nhân dẫn đến việc mất ổn định về chính trị xã hội. Việt Nam chúng ta cũng là một quốc gia đang tồn tại tình trạng đó. Nguyên nhân là do nền sản xuất lạc hậu, hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại và là một quốc gia có khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên gặp thiên tai, cơ sở hạ tầng còn thấp kém, xuống cấp.... Ngoài những nguyên nhân khách quan thì nguyên nhân chủ quan là do quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội những năm sau chiến tranh còn mắc phải những sai lầm nghiêm trọng, chủ quan duy ý chí đã làm cho nền kinh tế chậm phát triển.

Đối với Việt Nam, một nước nông nghiệp lạc hậu thoát khỏi chiến tranh chưa lâu, đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì vấn đề xóa đói giảm nghèo đang là một thách thức lớn và một yêu cầu bức thiết nhằm ổn định xã hội và xây dựng đất nước phát triển bền vững.

Từ năm 1992 công tác xóa đói giảm nghèo đã được triển khai ở một số tỉnh, thành phố. Đến năm 1994 đã trở thành một phong trào ở tất cả các địa phương trong cả nước. Từ đó đến nay phong trào xóa đói giảm nghèo được các địa phương và các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội phát động để trợ giúp hộ nghèo về đời sống và sản xuất. Phong trào đã đạt được những kết quả đáng kể. Nhiều nguồn lực đã được huy động vào công cuộc xóa đói giảm nghèo.

Trong thời gian qua nhờ công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo với những chính sách kinh tế, chính sách xã hội trong đó công tác xoá đói giảm nghèo được quan tâm đặc biệt. Thành phố Vinh là một địa phương rất tích cực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo nên đời sống của người nghèo của thành phố đã được nâng lên rõ rệt, từ chỗ tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 là 0,75 %, năm 2016 là: 0,63%, năm 2017 là 0,52%, năm 2018 là 0,41 %, năm 2019 là 0,26%, năm 2020 là 0,18% và đến cuối năm 2021 còn 0,17 % theo chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 đã được ban hành theo Quyết định số 24/2021/QĐ- TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là một thành tích, một sự cố gắng vượt bậc của các cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhân dân thành phố Vinh.

Nhận thấy đây là một vấn đề quan trọng mang tính nhân văn cần được nghiên cứu tổng kết, bổ sung để tiếp tục tham mưu giúp giảm nghèo ở địa phương thu được nhiều kết quả tốt hơn, sớm đưa thành phố Vinh trở thành một thành phố không còn hộ nghèo nên em chọn đề tài: “**Thực trạng và giải pháp giảm nghèo ở thành phố Vinh trong giai đoạn hiện nay”** Để làm đồ án tốt nghiệp của mình.

1. **Múc đích, nhiệm vụ nghiên cứu.**

Đánh giá thực trạng nghèo đói của thành phố vinh tỉnh nghệ an.

Đề xuất, kiến nghị. Giải pháp cho các công tác xóa đói giảm nghèo nhằm nâng cao đời sống cho các hộ gia đình ở thành phố vinh, tỉnh nghệ an.

1. **Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiê cứu.**
   1. **Khách thể nghiên cứu.**

Các hộ gia đình thuộc diện Hộ Nghèo, Hộ Cận nghèo và đói.

* 1. **Đối tượng nghiên cứu.**

Tình trạng nghèo đói ở Thành phố vinh, Tỉnh Tghệ An.

* 1. **Phạm vi nghiên cứu.**

Các cơ quan đơn vị hành (xã, phường) thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố vinh, Tỉnh Nghệ An.

1. **Phương pháp nghiên cứu.**

Trong đồ án này em đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau;

* Phương pháp thu thập số liệu
* Phương pháp phân tích phân tích và tổng hợp
* Phương pháp logic
* Phương pháp lịch sử.

1. **Đóng góp của đồ án.**

Hệ thống hóa cơ bản hơn cơ sở lý thực tiễn về công tác giảm nghèo ở thành phố vinh Tỉnh Nghệ An.

Hệ thống được thực trạng công tác giảm nghèo ở thành phố vinh Tỉnh Nghệ An hiện nay.

Hệ thống hóa được phương hương, mục tiêu và giải pháp để giảm nghèo ở thành phố vinh Tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

Đề xuất những kiến nghị đối với thành phố, kiến nghị tỉnh và kiến nghị trung ương.

1. **Hạn chế của đề tài.**

Do trình độ hiểu biết cũng như thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế nên đề tài nghiên cứu sẽ không tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được những đóng góp ý kiến chân thành từ các thầy cô để em hoàn thành tốt bài đồ án của thực tập tốt nghiệp cuối khóa và có thêm kinh nghiệm cho các lần nghiến cứu sau nay.

1. **Cấu trúc của đồ án.**

Ngoài lời cảm ơn, phần mở đầu, kết luận, và tài liệu tham khảo thì phần nội dung của tiểu luận được kết cấu thành 3 chương;

Chương 1 Cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác giảm nghèo.

Chương 2 Thực trạng công tác giảm nghèo ở Thành phố vinh Tỉnh Nghệ An hiện nay.

Chương 3 Phương hướng, mục tiêu và giải pháp để giảm nghèo ở thành phố vinh, Tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

1. **NỘI DUNG**

**CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO.**

1. **Quan niệm về đói nghèo**

Quan niệm về nghèo đói hay nhận dạng về nghèo đói của từng quốc gia hay từng vùng, từng nhóm dân cư nhìn chung không có sự khác biệt đáng kể, tiêu chí chung để xác định nghèo đói vẫn là mức thu nhập hay chi tiêu để thoả mãn nhu cầu cơ bản của con người về: ăn mặc, y tế, giáo dục, văn hoá, đi lại và giao tiếp xã hội. Sự khác nhau chung nhất là mức thoả mãn ở mức cao hay thấp mà thôi.

Hội nghị Thượng đỉnh thế giới và phát triển xã hội tổ chức tại Copenhgagen, Đan mạch năm 1995 đã đưa ra một định nghĩa cụ thể hơn về nghèo đói như sau: “Người nghèo là tất cả những ai thu nhập thấp hơn dưới 1 đô la mỗi ngày cho mỗi người, số tiền coi như đủ để mua những sản phẩm thiết yếu để tồn tại”.

Tại hội nghị về xóa đói giảm nghèo ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tháng 9/1993 ở Băng Cốc đã đưa ra khái niệm nghèo “nghèo là tình trạng của một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương”.

Ở Việt Nam, qua nhiều cuộc khảo sát, nghiên cứu, các nhà nghiên cứu và quản lý ở các Bộ đã đi đến thống nhất cần có khái niệm riêng, theo đó khái niệm nghèo đói được hiểu như sau:

Nghèo là tình trạng của một bộ phận dân cư có khả năng thỏa mãn một phần cơ bản của con người và có mức sống ngang bằng mức sống tối thiểu của cộng đồng trên mọi phương diện.

Đói là tình trạng của một bộ phận dân cư nghèo có mức sống dưới mức tối thiểu, không đảm bảo nhu cầu vật chất để duy trì cuộc sống.

Đói nghèo là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lạc hậu, kém phát triển của một quốc gia. Nó là lực cản lớn nhất trên con đường phát triển của loài người.

Ngày nay, cuộc đấu tranh chống nghèo đói luôn là thách thức lớn đối với các nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Có nhiều quan niệm về đói nghèo, nhưng nhìn chung các ý kiến thống nhất ở các điểm sau:

+ Không được hưởng thụ những nhu cầu cơ bản tối thiểu dành cho con người.

+ Có mức sống thấp hơn mức sống của cộng đồng dân cư.

+ Thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển cộng đồng.

Nghèo đói ở Việt Nam là khái niệm chỉ tình trạng mà thu nhập thực tế của người dân chỉ dành hầu như toàn bộ cho nhu cầu ăn, thậm chí không đủ cho ăn uống, phần tích luỹ hầu như không có, các nhu cầu tối thiểu ngoài ăn ra thì các nhu cầu khác như ở, mặc, giáo dục, đi lại, giao tiếp chỉ đáp ứng một phần rất ít, không đáng kể.

1. **Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về xóa đói giảm nghèo.**

Với quan điểm duy vật về lịch sử, chủ nghĩa Mác Lê nin khẳng định vai trò quyết định của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội loài người. Theo đó, con người và xã hội phải được bảo đảm đầy đủ các nhu cầu ăn, mặc, ở, ngủ nghỉ, đi lại... rồi mới có thể nói đến các hoạt động văn hóa, khoa học, nghệ thuật... Mà đói nghèo là một hiện tượng xã hội nên xét đến cùng nó cũng được quyết định bởi trình độ phát triển của sản xuất vật chất ở trong từng thời kỳ. Với ý nghĩa này, đẩy mạnh sự phát triển của sản xuất vật chất, không ngừng nâng cao năng suất lao động là vấn đề mấu chốt, giữ vai trò quyết định thắng lợi của sự nghiệp xóa đói, giảm nghèo ở nước ta hiện nay.

Trung thành với chủ nghĩa Mác Lê nin, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến vấn đề xóa đói, giảm nghèo, coi đó là một trong những mục tiêu cơ bản, xuyên suốt của cách mạng. Với tư tưởng đó, ngay trong Chánh cương vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng ngày 3/2/1930, Người đã vạch rõ *“Về Kinh tế... Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân cày nghèo; Miễn thuế cho dân nghèo; Mở mang công nghiệp và nông nghiệp; Thi hành luật ngày làm tám giờ” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2. Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội năm 1984, trang 296).*

Tiếp đó, ngày 6/9/1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Nhân dân đang đói là một trong 6 vấn đề cấp bách của đất nước lúc bấy giờ được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ để xác định nhiệm vụ sắp tới của cách mạng Việt Nam. Từ đây, Đói là một trong 3 thứ giặc mà chúng ta phải chiến đấu và chiến thắng.

Cũng từ tư tưởng nhất quán coi đói nghèo là một thứ giặc, trong những năm gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cả trong những năm ác liệt của cuộc chiến đấu chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn kêu gọi quân dân cả nước tích cực đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... bởi với Người, đất nước được độc lập mà nhân dân vẫn nghèo khổ thì độc lập ấy sẽ trở nên vô nghĩa.

Hơn thế nữa, đến tận phút cuối cùng Người vần không quên dặn dò: *“Đảng cần phải có kết hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*Như vậy, đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, xóa đói giảm ng*” (Hồ Chí Minh tuyển tập, tập 2. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội năm 1980, trang 542).* hèo là một quá trình lâu dài, gian khổ, vô cùng khó khăn và là sứ mạng cao quý, vẻ vang của toàn Đảng.

1. **Chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về xóa đói giảm nghèo**.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xóa đói, giảm nghèo, Ngay từ những ngày đầu sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chính phủ cách mạng lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu vừa được thành lập, ngày đêm phải đối phó với thù trong, giặc ngoài, nhưng vẫn dành sự quan tâm sâu sắc đến việc chăm lo cuộc sống cho người lao động nghèo khổ, lực lượng cơ bản của cách mạng vừa thoát khỏi cảnh nô lệ, bị áp bức, bóc lột. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến vấn đề chống đói. Người kêu gọi toàn dân cùng Chính phủ tập trung lực lượng để chống ba thứ giặc: Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, trong đó giặc đói được Người đặt lên hàng đầu, vì vậy, diệt giặc đói là một trong 6 nhiệm vụ cấp bách cần phải giải quyết.

Người nhấn mạnh: "Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi" và "dân đủ ăn đủ mặc thì những chính sách của Đảng và Chính phủ sẽ dễ dàng thực hiện. Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay đến mấy thì cũng không thể thực hiện được".Người từng nói *“Nước nhà dành được độc lập, tự do mà dân vẫn còn đói nghèo, cực khổ thì độc lập, tự do phỏng có ích gì” (Trích lời Chủ tịch Hồ Chí Minh).*Có thể khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là người kiến lập và đặt nền móng tư tưởng "xóa đói, giảm nghèo". Xóa đói, giảm nghèo là mục đích, là phương hướng chiến lược lâu dài của chủ nghĩa xã hội. Người đã phát động phong trào thi đua ái quốc, kêu gọi toàn dân ra sức tăng gia sản xuất.

Từ đó đến nay vấn đề xoá đói giảm nghèo luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, coi đây là nhiệm vụ chiến lược quan trọng vừa trước mắt, vừa lâu dài để thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Đối với Việt Nam, đói nghèo là vấn đề ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, đồng thời là vấn đề xã hội nhạy cảm nhất. Xoá đói giảm nghèo, khuyến khích làm giàu một cách chính đáng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đó là một trong những vấn đề cơ bản của chính sách xã hội hướng vào phát triển con người nói chung và người nghèo nói riêng, tạo cơ hội cho họ hoà nhập vào quá trình phát triển kinh tế- xã hội.

Xóa đói, giảm nghèo đã trở thành mục tiêu phấn đấu lâu dài của toàn Đảng, toàn dân, là một trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều quyết sách để xóa đói, giảm nghèo như: Cải cách ruộng đất; miễn giảm thuế; xây dựng các công trình xã hội. Bước sang thời kỳ đổi mới, vấn đề xóa đói, giảm nghèo vẫn luôn được thực hiện. Mọi đường lối đổi mới chính sách của Đảng được đề ra tại các kỳ đại hội đều nhằm giải quyết vấn đề này.

Tại Đại hội VI của Đảng (12- 1986), quá trình đổi mới tư duy của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội đã xác lập 3 trụ cột quan trọng:

Một là, thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng XHCN.

Hai là, thực hiện chính sách mở cửa, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hình thành cơ chế chính sách, huy động các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và người lao động phát triển sản xuất kinh doanh, xem mọi hoạt động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận.

Ba là, khẳng định chủ trương khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo.

Đến năm 1998, xoá đói giảm nghèo trở thành một trong sáu ch¬ương trình mục tiêu quốc gia. Nội dung cơ bản:

- Xoá đói giảm nghèo, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước; hỗ trợ trực tiếp xã nghèo, hộ nghèo, người nghèo các điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất, tăng thu nhập, ổn định đời sống, vươn lên thoát nghèo, tạo môi trường thuận lợi để xoá nghèo bền vững với mục tiêu khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo bền vững, đặc biệt là phát triển nông nghiệp nông thôn, vì 90% người nghèo sống ở nông thôn.

- Hình thành được một hệ thống chính sách và chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo.

- Tập trung nguồn lực để xoá nhanh các hộ đói và hộ đặc biệt khó khăn, giảm nhanh các hộ nghèo, xã nghèo.

- Thực hiện xã hội hoá, công tác xoá đói giảm nghèo, đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện xoá đói giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực kết hợp sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững, kết hợp chính sách của nhà nước với sự giúp đỡ trực tiếp có hiệu quả của toàn xã hội nhằm ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

Các Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII cũng đều thể hiện tư tưởng nhất quán là tập trung thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

Với những mục tiêu cơ bản trên của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành các chính sách cụ thể nhằm thực hiện đạt các mục tiêu, cụ thể như sau:

\* Quyết định số 525/QĐ-TTg, ngày 31/8/1995 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập ngân hàng phục vụ ngư¬ời nghèo, để giúp người nghèo vay vốn phát triển sản xuất, góp phần thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo.

\* Quyết định số 244/1998/QĐ-TTg, ngày 19/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế hoạt động của Ban chủ nhiệm chương trình Quốc gia xoá đói giảm nghèo.

\* Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg, ngày 23/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo trong giai đoạn 1998 - 2000" Phê duyệt "Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 1998 - 2000" bao gồm cả công tác định canh, định cư và hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi, phù hợp để hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực giúp Chính phủ thực hiện chương trình.

\* Quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Việt Nam, "Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi".

\* Quyết định số 42/1999/QĐ-TTg, ngày 10/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường có thời hạn cán bộ công chức về xã làm công tác xoá đói giảm nghèo.

\* Thông tư liên tịch số 01/1999/TTLT-BKH-BTC-BLĐTB&XH hướng dẫn kế hoạch hoá lồng ghép các chương trình dự án tham gia thực hiện xoá đói giảm nghèo.

\* Nghị định số 177/1999/NĐ-CP, ngày 22/12/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

\* Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh đó ban hành các quy định về chuẩn nghèo đối với từng giai đoạn

\* Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 31/01/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

\* Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 17/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

\* Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Và các văn bản về hướng dẫn, điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm

\* Thông tư số 21/2012/TT - BLĐ TBXH ngày 5/9/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

\* Thông tư số 24/2014/TT - BLĐ TBXH ngày 6/9/2014 của Bộ Lao động TBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT – BLĐ TBXH ngày 5/9/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

\* Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TB&XH về việc hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

\* Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

\* Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - TB&XH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

Trên cơ sở đó Tỉnh uỷ, HĐND - UBND các tỉnh thành cả nước trong đó có tỉnh Nghệ An đã quan tâm và tập trung chỉ đạo thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

Chỉ thị số 21/CT-TU ngày 17/8/2004 về tập trung lãnh đạo xoá nhà tranh tre tạm bợ dột nát cho hộ nghèo,

Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Nghệ An,

Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn Ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 – 2020;

Nghị quyết 17/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSNN thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Nghị quyết chỉ đạo công tác xoá đói giảm nghèo. Đây là cơ sở để đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo ở địa ph¬ương nhằm nâng cao mức sống cho ng¬ười nghèo. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ đầu thế kỷ XXI đã thúc đẩy nền kinh tế thế giới phát triển, toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân loại được nâng lên. Tuy nhiên, trên thế giới hiện nay vẫn còn trên ba tỷ người nghèo đói, không được hưởng thụ những thành quả của khoa học - công nghệ đem lại như: ăn, mặc, ở, đi lại… không đủ tiền để chữa bệnh khi ốm đau, không có điều kiện để học hành, hạn chế sự giao lưu tiếp xúc với cộng đồng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn cho xã hội, tạo nên sự mất cân bằng trong phát triển kinh tế trên toàn cầu.

Ở Việt Nam, trong những năm qua cùng với tăng trưởng kinh tế cao và tương đối ổn định, hàng loạt chính sách xóa đói giảm nghèo được triển khai đồng bộ ở tất cả địa phương đã cải thiện đáng kể diện mạo đói nghèo ở các vùng trên cả nước. Bộ mặt xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn có sự thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, do quy mô dân số lớn, nhịp độ gia tăng dân số nhanh, sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, trình độ sản xuất thấp, năng suất lao động và thu nhập chưa cao, vì vậy, Việt Nam về cơ bản vẫn thuộc nhóm nước nghèo của thế giới.

Từ thực tế đó, Đảng, Nhà nước đã chỉ đạo thực hiện các quan điểm về xóa đói, giảm nghèo với nội dung sau:

Một là, xóa đói giảm nghèo phải dựa trên cơ sở tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững, đồng thời chủ động tạo các nguồn lực cho hoạt động trợ giúp người nghèo đói.

Hai là, Xóa đói giảm nghèo không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước, của toàn xã hội mà trước hết chính là bổn phận của người nghèo, phụ thuộc vào sự sự vận động tự giác của chính bản thân người nghèo, cộng đồng nghèo.

Ba là, Xóa đói giảm nghèo là triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo bằng các nguồn tài chính trợ giúp của Nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước.

Bốn là, Xóa đói giảm nghèo là việc hỗ trợ và cho vay vốn hộ nghèo cần phải đi liền với công tác tư vấn, hướng dẫn vốn cho vay có hiệu quả, căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của từng hộ gia đình.

Năm là, Xóa đói giảm nghèo là hỗ trợ ưu đãi, tạo điều kiện cho hộ nghèo về tư liệu sản xuất, vốn kinh doan, kết cấu hạ tầng trên quan điểm tiếp sức chứ không phải cho không hay ban phát “cho cần câu chứ không phải cho xâu cá” từ đó nhằm hỗ trợ người nghèo để họ khơi dậy, phát huy nội lực, tự vươn lên cứu lấy mình.

1. **Chuẩn nghèo**

Ở nước ta từ năm 1994 đến nay Bộ Lao động thương binh và xã hội đã 6 lần công bố chuẩn nghèo.

- Chuẩn nghèo áp dụng trong giai đoạn 1994 - 2000 là:

+ Hộ đói là hộ có thu nhập bình quân dưới 45 ngàn đồng/tháng trở xuống.

+ Hộ nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân dưới 55 ngàn đồng ở vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, 70 ngàn đồng ở vùng nông thôn đồng bằng, trung du; 90 ngàn đồng ở vùng thành thị.

- Chuẩn nghèo áp dụng trong giai đoạn 2001 – 2005 là những người có mức thu nhập dưới mức quy định sau được xếp vào nhóm hộ nghèo.

+ Vùng nông thôn miền núi là 80.000đ/người/ tháng, vùng nông thôn đồng bằng là 100.000đ/ người/tháng, vùng thành thị là 150.000đ/người/tháng.

- Chuẩn nghèo áp dụng trong giai đoạn 2006 – 2010 là nhóm người có mức thu nhập bình quân tháng dưới 200.000đ/người/ tháng đối với vùng nông thôn và 260.000đ/người/ tháng đối với vùng thành thị.

- Chuẩn nghèo áp dụng trong giai đoạn 2011 - 2015 là:

Theo Quyết định, hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4,8 triệu đồng/người/năm) trở xuống. Hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng (từ 6 triệu đồng/người/năm) trở xuống.

Hộ cận nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng. Hộ cận nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng.

- Chuẩn nghèo đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2021 là:

\* Hộ nghèo

Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

\* Hộ cận nghèo

Khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

*(Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:*

*- Các dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ): y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin;*

*- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.)*

- Chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025

\* Chuẩn hộ nghèo

Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

\* Chuẩn hộ cận nghèo

Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

*(Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;*

*- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.*

*- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin)*

1. **Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở việt nam.**

Có nhiều quan điểm về nguyên nhân gây ra nghèo đói ở Việt Nam nhưng nói chung nghèo đói ở Việt Nam xuất phát ở cả hai nguyên nhân; nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau: Theo số liệu báo cáo từ các điều tra xác định hộ nghèo của Bộ LĐTB & XH, hiện nay tồn tại nhiều nguyên nhân nghèo, trong đó có 8 nguyên nhân chủ yếu đó là: Thiếu vốn; Thiếu đất; Thiếu lao động; Thiếu kinh nghiệm; Bệnh tật; Tệ nạn xã hội; Rủi ro; Đông người.

- *Nguyên nhân khách quan*:

+ Nhóm nguyên nhân do điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội: Đó là các đại dịch đang bùng phát ảnh hưởng đến chăn nuôi sản xuất của người dân như:

Thiên tai, hạn hán, dịch bệnh, địa hình phức tạp; giao thông khó khăn; hậu quả chiến tranh để lại; tỷ lệ dân số nông nghiệp cao nhưng năng suất thấp.

+ Nhóm nguyên nhân về cơ chế chính sách: Thiếu hoặc không đồng bộ về chính sách đầu tư xây dựng cơ sử hạ tầng cho các khu vực khó khăn; ngân sách còn nhiều hạn chế, bộ máy tổ chức cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo còn kiêm nhiệm; chính sách khuyến khích sản xuất, vốn tín dụng, hướng dẫn cách làm ăn, chính sách đất đai, chính sách giáo dục, chính sách y tế, giải quyết công ăn việc làm, chính sách định canh, định cư còn có nhiều bất cập cũng là một nguyên nhân đưa đến thực trạng đói nghèo ở Việt Nam.

*+ Nguyên nhân chủ quan:*

Nhóm nguyên nhân này xuất phát từ bản thân người nghèo. do người nghèo nhận thức và trình độ lao động của người dân còn kém không chịu khó học hỏi; lười nhác, không chịu khó tìm hiểu thông tin thị trường. Bên cạnh đó là tâm lý trông chờ ỷ lại của người dân, tâm lý cam chịu và tâm lý lo ngại tiếp cận với những phương thức làm ăn mới. Nắm bắt khoa học kỷ thuật, áp dụng các chương trình các mô hình vào thực tiễn sản xuất; thiếu thông tin thị trường; tâm lý lo ngại chưa thoát khỏi nông nghiệp; mắc các tệ nạn xã hội.

**CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ VINH TỈNH NGHỆ AN HIỆN NAY.**

# 2. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội.

## 2.1 Đặc điểm tự nhiên.

### 2.1.1 Vị trí địa lý.

Vinh là một thành phố nằm ở vùng Bắc Trung Bộ, là đô thị lớn nằm ở phía Đông – Nam của tỉnh Nghệ An. Phía Bắc và phía Đông giáp huyện Nghi Lộc, phía Nam giáp huyện Nghi Xuân của tỉnh Hà Tĩnh, phía Tây giáp huyện Hưng Nguyên. Vinh cách thủ đô Hà Nội hơn 300 km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 1.400 km về phía Nam. Tổng diện tích tự nhiên là 105 km2. Thành phố Vinh có 25 đơn vị hành chính bao gồm 16 phường và 9 xã.

Thành phố Vinh là đô thị loại I trực thuộc tỉnh, là trung tâm kinh tế, văn hóa vùng, đầu tàu tăng trưởng về kinh tế của Nghệ An và vùng Bắc trung bộ. Thành phố Vinh nằm trong hành lang kinh tế Đông Tây, nối liền Myanma - Thái Lan - Lào - Việt Nam - Biển Đông. Nằm trên các tuyến du lịch quốc gia và quốc tế. Với vị trí đó, thành phố Vinh - Nghệ An đóng vai trò quan trọng trọng giao lưu: kinh tế, thương mại, du lịch, vận chuyển hàng hoá với cả nước và các nước khác trong khu vực. Vinh là thành phố của quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vinh nằm trên trục giao thông huyết mạch Bắc - Nam về cả đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, thành phố Vinh nắm giữ vị trí trọng yếu trên con đường vận chuyển trong nước từ Bắc vào Nam và ngược lại. Đồng thời rất thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hóa trong khu vực và quốc tế. Từ Vinh có thể trao đổi hàng hoá với nước bạn Lào qua cửa khẩu Nậm Cắn, Thanh Thuỷ của Nghệ An hoặc cửa khẩu Cầu treo của tỉnh Hà Tĩnh, hoặc thông qua đường biển qua cảng Cửa Lò với các nước khác.

Thành phố Vinh có nhiều đầu mối giao thông quan trọng, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch, dịch vụ. Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống đường giao thông đa dạng: nằm trên các tuyến đường giao thông huyết mạch của cả nước, có cảng biển, sân bay, có đầy đủ hệ thống dịch vụ y tế, ngân hàng, là một trong 5 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh Nghệ An với hệ thống khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ sang trọng, hiện đại. Hệ thống giao thông đô thị và giao thông đối ngoại không ngừng được mở rộng và xây mới như: Quốc lộ 1A, quốc lộ 46 tránh Vinh, đường ven sông Lam, đường 72 m Vinh - Cửa Lò, sân bay quốc tế Vinh… không chỉ tạo điều kiện thuận lợi về giao thông và phát triển du lịch mà còn tạo cảnh quan, làm thay đổi bộ mặt và vóc dáng đô thị. Mạng lưới Bưu chính viễn thông hiện đại với đầy đủ các loại hình dịch vụ.

### 2.1.2 khí hậu và thời tiết.

Khí hậu thành phố Vinh có đặc điểm là nhiệt đới ẩm gió mùa. Từ tháng 4 đến đầu tháng 10 có gió phơn Tây Nam; nắng nóng vào mùa hè, nhiệt độ khi cao nhất có thể lên đến 39 - 40oC. Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, nhiệt độ trung bình 24°C, nhiệt độ cao tuyệt đối 42.1°C, nhiệt độ thấp tuyệt đối 6 °C. Giữa tháng 11 đến tháng 3 năm sau thường có mưa bão lớn kèm theo gió mùa Đông Bắc mang hơi ẩm và lạnh. Với tính chất khí hậu như vậy gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất cũng như sức khỏe và sinh hoạt của người dân.

## 2.2 Đặc điểm kinh tế xã hội.

Thành phố Vinh là đầu tàu tăng trưởng và giải quyết các nhiệm vụ trọng yếu về phát triển kinh tế của tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ, với mức tăng trưởng kinh tế cao và khá ổn định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hoạt động dịch vụ thương mại có bước tiến lớn về số lượng và chất lượng, hoàn thành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tổng thu ngân sách vượt kế hoạch, thu hút đầu tư đạt khá, tình hình quốc phòng – an ninh được giữ vững ổn định.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phù hợp vị thế của đô thị: Năm 2020 Tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 72,34%; công nghiệp - xây dựng 26,31%; nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 1,35%.

Thành phố tập trung kêu gọi thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế. Triển khai hỗ trợ, khuyến khích phát triển các hợp tác xã trên địa bàn, phối hợp với các ngành cấp tỉnh tham mưu thành lập và giải quyết nhu cầu địa điểm sản xuất cho các doanh nghiệp trên địa bàn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020 tăng ở mức khá, ước đạt 8,62%, cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 và tốc độ tăng trưởng của cả Tỉnh. Giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2020 đạt 105 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo đạt 0,17% theo chuẩn mới.

Các hoạt động thương mại dịch vụ có bước phát triển khá, các mặt hàng thiết yếu vẫn duy trì dung lượng tiêu thụ, chất lượng ngày càng đi vào nề nếp và chuyên nghiệp. Tổng mức bán lẻ trên thị trường năm 2020 đạt 22.500 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 11,26%. Thành phố đã tập trung xây dựng môi trường du lịch văn minh, an toàn và thân thiện, chất lượng dịch vụ du lịch ngày càng được nâng cao. Lượng khách du lịch tăng bình quân hàng năm khoảng 7,1%; mỗi năm đón khoảng 1,9 triệu lượt khách trong đó lượng khách lưu trú khoảng 1,45 triệu lượt.

Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đã đạt nhiều kết quả. Với mục tiêu hướng đến nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, thành phố Vinh đã thực hiện các chính sách khuyến khích mở rông mô hình, từng bước hình thành các vùng thâm canh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp với hộ nông dân được triển khai khép kín từ dịch vụ cung ứng giống, kỹ thuật đến tiêu thụ sản phẩm. Giá trị thu nhập bình quân 1 ha đất nông nghiệp đạt 45-50 triệu đồng.

Hoạt động thương mại ngày càng phát triển: Hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị (Intimex, Maximax, CK Palaza, Big C Vinh, Metro), chợ có quy mô lớn như chợ Vinh, chợ Ga Vinh và các chợ khu vực, có thể đáp ứng tốt nhu cầu cho người dân bản địa và khách tham quan du lịch, giao dịch tại thành phố. Hệ thống cấp điện, nước: Nguồn điện dùng cho sinh hoạt và sản xuất của thành phố được đảm bảo cung cấp từ điện nước quốc gia.

Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,... trên địa bàn thành phố phát triển mạnh. Hiện có hơn 60 chi nhánh ngân hàng hoạt động, đáp ứng được nhu cầu đời sống, sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

Vinh là một trong 5 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh Nghệ An (du lịch thành phố Vinh, du lịch biển Cửa Lò, du lịch Nam Đàn, du lịch rừng Vườn quốc gia Pù Mát và du lịch sinh thái văn hóa Quỳ Châu – Quế Phong); là một điểm nhấn trong bản đồ du lịch Quốc gia với mạng lưới các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ sang trọng được bố trí rộng khắp thành phố. Đến với thành phố Vinh, du khách có thể tham gia vào nhiều loại hình du lịch như: du lịch nghiên cứu, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch tâm linh....

Đến nay, thành phố đã có 01 khu công nghiệp và 04 cụm công nghiệp đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và thu hút các nhà đầu tư lấp đầy 100% diện tích đất cho thuê, 03 cụm công nghiệp đang thực hiện quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư. Ngoài ra, thành phố hiện có 7 làng nghề truyền thống (sản xuất chiếu cói, rượu và các làng nghề trồng hoa, cây cảnh). Hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch, vận tải, bưu chính - viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm phát triển theo hướng hội nhập và ngày càng đa dạng, từng bước hình thành trung tâm vùng trên một số lĩnh vực.

Định hướng tương lai Vinh sẽ là một trong những thành phố ven biển của cả nước. Xây dựng thành phố Vinh phát triển nhanh và bền vững; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp sạch, các ngành dịch vụ có lợi thế; chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giữ vững và ổn định chính trị - xã hội, xứng tầm là đô thị loại I, trung tâm kinh tế, văn hóa của vùng Bắc Trung bộ.

Thành phố Vinh là nơi có nhiều đầu mối giao thông quan trọng, có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa hiện nay của thành phố, dân số thành phố cũng phát triển theo quy luật tự nhiên cơ học.

Thành phố Vinh có dân số khoảng 500.000 người, chiếm 15% dân số trong tỉnh (3.330.000 người), trong đó lực lượng lao động chiếm hơn 60% dân số. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo là 73%, trong đó đào tạo nghề là 50%. Với nguồn lao động trẻ, dồi dào, có tay nghề chuyên môn kỹ thuật, có tính sáng tạo, kỷ luật lao động, tác phong và văn minh công nghiệp… tạo nên lợi thế thu hút các nhà đầu tư vào thành phố Vinh. Đây được xem là thế mạnh của thành phố, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

Hiện trên địa bàn Thành phố có 7 trường Đại học, 16 trường cao đẳng và cao đẳng nghề, 9 trường trung cấp nghề, 1 trung tâm giáo dục thường xuyên thu hút hàng ngàn sinh viên, đào tạo trên hầu hết các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin, kinh tế, quản trị kinh doanh, y tế, ngoại ngữ,... Hệ thống trường học phổ thông cũng được củng cố và tăng cường về cơ sở vật chất, từ các trường mầm non, Tiểu học đến THCS, đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn.

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng được nâng cao. Trên địa bàn thành phố hiện có trên 20 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, cùng nhiều trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, trạm y tế, các bệnh viện ngành trên địa bàn: bệnh viện giao thông, bệnh viện quân đội, trong đó có 1 bệnh viện vùng với quy mô 700 giường. Thành phố đã tổ chức tốt việc thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế. Tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm tra về an toàn thực phẩm, hành nghề y dược tư nhân. Bước đầu triển khai có hiệu quả đề án nâng cao chất lượng dân số, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình tại các cơ quan, đơn vị, trường học.

## 2.3 Thực trạng nghèo và những kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo thời gian qua.

Với những nỗ lực trong công tác xóa đói giảm nghèo, sau hơn 30 năm đổi mới bộ mặt ở nhiều địa phương trên cả nước đã có nhiều khởi sắc. Riêng đối với thành phố Vinh cũng có những thay đổi khá rõ nét. Công tác giảm nghèo bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan, tạo tiền đề cho việc thực hiện các giải pháp, các hướng đi để từng bước nâng cao mức sống cho nhân dân.

### 2.3.1 Tình hình nghèo ở thành phố vinh.

Thành phố Vinh là trung tâm kinh tế của tỉnh Nghệ An, có tốc độ phát triển nhanh, tỷ lệ hộ nghèo thấp nhưng tập trung chủ yếu ở các xã ngoại thành như Nghi Liên, Nghi Ân, Hưng Hòa, Nghi Đức...

Đời sống của nhân dân ở các xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp nên còn khó khăn, mức sống dân cư nhìn chung còn thấp, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mặt bằng Thành phố.

Diện tích đất nông nghiệp đang dần dần bị thu hẹp do các dự án và cơ quan về trên địa bàn. Lao động thiếu việc làm, hiện nay lực lượng lao động nông nghiệp thuần túy đang nhiều trong đó số lao động thiếu việc làm ngày càng tăng.

Trên địa bàn các xã thuộc thành phố, các doanh nghiệp phát triển ít nên không có cơ sở sản xuất kinh doanh, không thu hút được lao động nhàn rỗi, thiếu việc làm của các xã. Chưa thúc đẩy được dịch vụ - thương mại - thương nghiệp nhỏ phát triển nên chuyển đỏi cơ cấu kinh tế còn khó khăn.

Lao động ở các xã ngoại thành nhìn chung còn chưa mạnh dạn, chủ động nắm bắt tìm hiểu thị trường, trình độ còn thấp, chưa thoát khỏi phụ thuộc nông nghiệp, nặng quan niệm về lao động nữ, không khuyến khích lao động nữ tìm hiểu việc làm và đi xuất khẩu lao động.

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, tại thời điểm tháng 01/2022 toàn thành phố có 144 hộ nghèo (377 nhân khẩu) chiếm 0,17 % và 480 hộ cận nghèo (1.600 nhân khẩu) chiếm 0,56%, trong đó:

1. ***Về hộ nghèo***

\* Khu vực nông thôn : Gồm 9 xã với 103 hộ - 264 khẩu, bình quân 2,56 khẩu/hộ; trong đó, xã cao nhất là Hưng Hoà (19 hộ - 51 khẩu), bình quân 2,68 khẩu/hộ; xã thấp nhất là Hưng Chính (5 hộ - 13 khẩu), bình quân 2,6 khẩu/hộ.

\* Khu vực thành thị : Gồm 16 phường với 41 hộ - 113 khẩu, bình quân 2,76 khẩu/hộ; trong đó, phường cao nhất là Trung Đô với 8 hộ - 21 khẩu, bình quân 2,63 khẩu/hộ; phường không có hộ nghèo là Lê Mao, Trường Thi, Vinh Tân, Đội Cung

Bình quân chung hộ nghèo thành phố là 2,62 khẩu/hộ.

**Bảng 1: Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2021.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Phường xã | Kết quả rà soát | | | | | | Ghi chú |
| Hộ nghèo | | | Hộ cận nghèo | | |
| Số hộ | Số khẩu | Tỷ lệ | Số hộ | Số khẩu | Tỷ lệ |
| 1 | Hưng Dũng | 6 | 11 | 0.13 | 9 | 31 | 0.19 |  |
| 2 | Nghi Kim | 5 | 20 | 0.10 | 3 | 15 | 0.06 |  |
| 3 | Hà Huy Tập | 2 | 6 | 0.08 | 5 | 17 | 0.20 |  |
| 4 | Quang Trung | 1 | 4 | 0.05 | 1 | 5 | 0.05 |  |
| 5 | Cửa Nam | 5 | 18 | 0.14 | 16 | 50 | 0.44 |  |
| 6 | Bến Thủy | 8 | 19 | 0.20 | 10 | 25 | 0.25 |  |
| 7 | Nghi Phú | 10 | 27 | 0.27 | 2 | 5 | 0.05 |  |
| 8 | Nghi Liên | 13 | 17 | 0.78 | 55 | 181 | 3.29 |  |
| 9 | Trung Đô | 8 | 21 | 0.35 | 0 | 0 | 0.00 |  |
| 10 | Nghi Ân | 18 | 49 | 0.43 | 6 | 14 | 0.14 |  |
| 11 | Hồng Sơn | 1 | 3 | 0.02 | 13 | 41 | 0.25 |  |
| 12 | Hưng Lộc | 10 | 29 | 0.23 | 14 | 50 | 0.32 |  |
| 13 | Lê Mao | 0 | 0 | 0.00 | 0 | 0 | 0.00 |  |
| 14 | Hưng Bình | 1 | 2 | 0.03 | 8 | 30 | 0.24 |  |
| 15 | Vinh Tân | 0 | 0 | 0.00 | 3 | 7 | 0.07 |  |
| 16 | Lê Lợi | 1 | 2 | 0.04 | 26 | 92 | 0.97 |  |
| 17 | Trường Thi | 0 | 0 | 0.00 | 65 | 263 | 2.15 |  |
| 18 | Hưng Chính | 5 | 13 | 0.10 | 34 | 115 | 0.67 |  |
| 19 | Quán Bàu | 4 | 8 | 0.24 | 17 | 49 | 1.00 |  |
| 20 | Đông Vĩnh | 3 | 16 | 0.13 | 36 | 120 | 1.61 |  |
| 21 | Nghi Đức | 15 | 44 | 0.73 | 21 | 81 | 1.02 |  |
| 22 | Đội Cung | 0 | 0 | 0.00 | 2 | 7 | 0.04 |  |
| 23 | Hưng Đông | 8 | 14 | 0.32 | 27 | 52 | 1.10 |  |
| 24 | Hưng Hòa | 19 | 51 | 0.78 | 58 | 196 | 2.38 |  |
| 25 | Hưng Phúc | 1 | 3 | 0.03 | 49 | 154 | 1.44 |  |
| Tổng | | 144 | 377 | 0.17 | 480 | 1 600 | 0.56 |  |

1. ***Về hộ cận nghèo***

Thành phố hiện có 480 hộ - 1.600 khẩu, bình quân 3,33 khẩu/hộ, trong đó :

Tại 9 xã : 362 hộ (chiếm 75,4% số hộ cận nghèo thành phố) với 1.037 khẩu, bình quân 2,86 khẩu/hộ

Tại 16 phường: 118 hộ (chiếm 24,6%) với 563 khẩu, bình quân 4,77 khẩu/hộ.

Đơn vị có số hộ cận nghèo nhiều là Nghi Đức (65 hộ - 263 khẩu);

Giải quyết tốt số hộ cận nghèo để họ vươn lên là hộ khá, giàu và kiềm chế rơi vào nghèo mới là một trong những giải pháp tối ưu liên quan trực tiếp đến kết quả giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025.

### 2.3.2 Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở thành phố vinh.

Theo kết quả Tổng điều tra rà soát phân loại hộ nghèo, đến đầu năm 2022, thành phố Vinh có 144 hộ nghèo với 377 nhân khẩu. Định lượng tính chất hộ nghèo như sau:

*\* Theo đối tượng xã hội*

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 01 hộ, chiếm 0,69% số hộ nghèo;

- Hộ nghèo không có khả năng lao động: 71 hộ, chiếm 49,31% số hộ nghèo;

- Hộ nghèo có thành viên là đối tượng NCC hưởng chế độ trợ cấp 01 lần: 09 hộ, chiếm 6,25% số hộ nghèo.

- Các đối tượng khác: 63 hộ, chiếm 43,75% số hộ nghèo.

*\* Theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:* Việc làm: 100 hộ; Người phụ thuộc trong gia đình: 96 hộ; Dinh dưỡng: 5 hộ; Bảo hiểm y tế: 96 hộ; Trình độ giáo dục người lớn: 12 hộ; Tình trạng đi học của trẻ em: 01 hộ; Chất lượng nhà ở: 14 hộ; Diện tích ở bình quân đầu người: 19 người; Nguồn nước sinh hoạt: 02 hộ; Nhà tiêu hợp vệ sinh: 19 hộ; Sử dụng dịch vụ viễn thông: 85 hộ; Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 41 hộ.

Qua kết qua điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, chúng tôi thấy nguyên nhân nghèo ở thành phố Vinh tập trung nhiều nhất ở nguyên nhân thiếu kỹ năng về lao động, sản xuất, ốm đau bệnh tật, không có lao động ... Cụ thể như sau:

- Hộ không có đất sản xuất: 17 hộ;

- Hộ không có vốn sản xuất, kinh doanh: 33 hộ;

- Hộ không có lao động: 75 hộ

- Hộ không có công cụ, phương tiện sản xuất: 32 hộ

- Hộ không có kiến thức về sản xuất: 16 hộ

- Hộ không có kỹ năng về lao động, sản xuất: 31 hộ

- Hộ có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn ...: 92 hộ

- Nguyên nhân khác: 7 hộ

Qua phân tích các đặc điểm, nguyên nhân nghèo của thành phố Vinh thấy rằng, nghèo ở thành phố Vinh cũng có những nét tương đồng đối với các vùng đói nghèo tương tự trong cả nước. Tuy nhiên nghèo ở thành phố Vinh tựu chung lại phần lớn là do nguyên nhân tác động tới từng hộ và mức độ ảnh hưởng khác nhau có thể sắp xếp theo các nhóm nguyên nhân cơ bản sau (có 3 nhóm)

- Nhóm thứ nhất: (Nhóm nguyên nhân mang tính khách quan).

+ Trước hết là đất đai, là người dân nông nghiệp sống ở nông thôn thì đất đai là tư liệu sản xuất cái cốt sống của con người. Đất canh tác ở thành phố Vinh so với một số vùng nông nghiệp khác thì chưa phải là ít. Nhưng chất đất ở một số xã đã bị nhiễm mặn chua phèn nặng, độ phì kém do vậy năng suất thấp. Một số xã sản xuất trong điều kiện hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, đất đai chủ yếu sản xuất được một vụ. Thâm canh phụ thuộc vào thủy triều, kỷ năng kỷ xảo làm hàng thủ công mỹ nghệ đã dày công du nhập nhưng không hiệu quả. Suy cho cùng vì chất lượng nguyên liệu kém.

+ Thiên tai như hạn hán, bão lụt, sâu bệnh thường xuyên gây hại cho cây trồng, vật nuôi không có năm nào mà các xã của thành phố Vinh thoát khỏi cảnh này nhất là xã Hưng Hòa.

+ Một số xã, nhất là xã Hưng Hòa vẫn còn cơ sở hạ tầng yếu kém, công trình kinh tế không có hoặc không đáng kể. Nguồn thu ngân sách của các xã không đáng kể, nguồn nước sinh hoạt của nhân dân có tình trạng ô nhiễm môi trường và đến nay nhiều xã vẫn chưa có nước sạch sinh hoạt.

- Nhóm thứ hai: (Nhóm mang tính chủ quan, nhóm nguyên nhân này do chính bản thân người nghèo gây ra).

+ Thiếu kiến thức: Người dân còn kinh nghiệm, nhạy bén trong sản xuất, tổ chức quản lý, kỷ thuật kém do đó họ trở nên lúng túng trong quá trình lao động sản xuất, đây còn biểu hiện là nông trí, dân trí thấp thiếu vốn hoặc không có vốn để sản xuất kinh doanh. Nhưng hộ thiếu vốn thường phải đi làm thuê đổi công, phải chạy vạy vay mượn để đảm bảo cuộc sống tối thiểu của mình. Nhưng một thực tế cho thấy rằng nông dân thiếu vốn phải đi vay ngân hàng thủ tục phiền hà không có tài sản thủ tục pháp lý đất đai để thế chấp cho nên nhiều người cần vay vốn nhưng không thể vay được.

+ Một số hộ được vay vốn như vốn phát triển sản xuất, vốn xóa đói giảm nghèo, vốn dự án qua các tổ chức nhưng do không biết sản xuất kinh doanh, không có kinh nghiệm trong sản xuất cho nên số vốn có được sử dụng không đúng mục đích.

+ Thiếu lao động: Tình trạng thiếu lao động ở một số hộ gia đình đã gây nên tình trạng nghèo đói. Thiếu lao động quá trình sản xuất hay bị chậm thời vụ, không kịp với năng suất lao động xã hộ cho nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả năng suất sản lượng công việc.

+ Tai nạn rủi ro, ốm đau cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nghèo đói.

+ Ngoài ra còn có những nguyên nhân khác như: lười nhác, rượu chè, gia đình sống không hòa thuận chán nản ly thân, cô đơn vv...

- Nhóm thứ ba: Nhóm nguyên nhân do cơ chế chính sách thiếu đồng bộ.

+ Về đất đai do cơ chế giao đất cho hộ nhân dân thực hiện cứng nhắc cho nên ruộng đất các xã của thành phố Vinh đều rất manh mún, làm cản trở quá trình công nghiệp hóa và đầu tư thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng kìm hãm sự phát triển kinh tế hộ.

+ Nhà nước chưa có chính sách, biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đầu tư đúng mức để xây dựng cơ sở hạ tầng. Ngoài những chính sách của nhà nước Trung ương thì ngay cả nhà nước địa phương Tỉnh và Thành phố chưa thực sự quan tâm để quá lâu một khoảng cách - cách biệt kinh tế giữa phường và xã.

Công tác tuyên truyền giáo dục hướng dẫn giúp đỡ cách làm ăn mở mang ngành nghề mới, phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương chưa được phát triển đúng mức hiệu quả còn thấp.

+ Tóm lại đói nghèo ở thành phố Vinh do nhiều nguyên nhân gây nên, do đó nhà nước phải có những chính sách phù hợp để hỗ trợ một phần về vốn, những kinh nghiệm sản xuất cho những hộ lâm vào tình trạng đói nghèo.

Song với những chủ trương chính sách của nhà nước cấp trên thì một điều không thể thiếu được và nó trở thành tiên quyết đó là nội lực toàn diện từ người dân từ chính quyền cơ sở, từ các tổ chức đoàn thể nhân dân tại địa phương phải có chương trình hành động, phải có kế hoạch cụ thể vê xóa đói giảm nghèo cho cái chung và cho từng loại của đối tượng và từng đối tượng cụ thể có vậy thì các hộ nghèo của thành phố Vinh mới nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo.

### 2.3.3 Công tác giảm nghèo ở thành phố vinh trong thời gian tới.

### 2.3.3.1 Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Do điều kiện khí hậu khắc nghiệt không thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, diện tích nông nghiệp chủ yếu là đất cát bạc màu độ phì nhiêu thấp, năng suất cây trồng thấp lại càng thu hẹp diện tích do đã chuyển đổi thành đất chuyên dùng và đất ở. Số lao động thất nghiệp và thiếu việc làm chiếm tỷ lệ cao. Ở các xã thuộc thành phố Vinh, trước đây tỷ lệ hộ nghèo khá cao, Đảng uỷ, chính quyền thành phố Vinh đã xây dựng nhiều phương hướng phát triển kinh tế trong giai đoạn 2010-2015 và từ 2015-2020, trong đó việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế là biện pháp giữ vai trò chủ đạo.

Xác định không có thuỷ lợi thì không thể nâng cao năng suất cây lúa được, vì vậy tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên và nguồn đóng góp của nhân dân địa phương đã xây dựng một trạm bơm và hệ thống kênh mương phục vụ tưới tiêu cho các xã sản xuất nông nghiệp, cho thu hoạch hai vụ. Tập trung thay toàn bộ giống lúa cũ năng suất thấp bằng bộ giống lúa lai năng suất cao như XI23, XN30, Khải phong số 1, Nhị ưu 838… Nhờ vậy mà năng suất lúa ngày càng được nâng cao.

Cùng với đầu tư thâm canh cây lúa thì địa phương đã mạnh dạn chuyển đổi một số diện tích ngập mặn hoang hoá năng suất thấp sang nuôi trồng thuỷ sản mặn lợ. Trên cơ sở đó đã tạo được việc làm cho hàng nghìn lao động, các hộ nông nghiệp có thu nhập tương đối ổn định góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh công tác xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

Ngoài ra chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho một số cá nhân, hộ gia đình đấu thầu những vùng đất hoang hoá, vùng năng suất thấp chuyển sang phát triển kinh tế trang trại theo mô hình VAC cũng cho hiệu quả đáng kể, làm tăng năng suất sản lượng trên một đơn vị. Tăng thêm nguồn thu nhập cho người dân, góp phần phát triển ngành nghề dịch vụ và chế biến thực phẩm.

Bên cạnh việc đầu tư tăng năng suất cây trồng thì địa phương vẫn chú trọng đến phát triển chăn nuôi. Đó là tập trung đẩy mạnh việc sin hoá đàn bò, phát triển chăn nuôi bò hàng hoá đàn bò, phát triển chăn nuôi bò hàng hoá, khuyến khích các hộ dân phát triển nuôi bò đàn, bò sinh sản và phát triển kinh tế theo hướng trang trại gồm chăn nuôi (bò lợn, cá lúa, vịt đàn, vịt đẻ). Tập trung phát triển ngành nghề thủ công và dịch vụ giải quyết việc làm cũng là một nội dung quan trọng trong công tác xóa đói giảm nghèo ở thành phố Vinh.

Là một thành phố có nhiều xã vùng ngoại thành có nhiều ngành nghề, trong đó có các nghề truyền thống. Xác định đây là nghề truyền thống của địa phương, nếu phát triển được nghề truyền thống này sẽ thu hút được rất nhiều lao động, giải quyết được việc làm tại chỗ cho nhân dân. Thành phố có những chính sách thích hợp khuyến khích phát triển làng nghề thủ công tận dụng lao động ngoài độ tuổi, lao động nhàn rỗi tham gia sản xuất; liên kết với các doanh nghiệp trong việc bao tiêu sản phẩm, đào tạo tay nghề … như nghề dệt chiếu cói và mây tre đan ở Hưng Hòa, nghề nấu rượu ở Nghi Đức

Với vị trí địa lý khá thuận lợi nên thành phố có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho phát triển dịch vụ thương mại cũng phát triển khá. Bằng việc đầu tư nâng cấp các chợ đã có sẵn và hình thành thêm các chợ nữa đã giải quyết được hàng tăm lao động bằng nghề buôn bán dịch vụ (đây là số lao động của địa phương tham gia kinh doanh). cạnh đó địa phương đã đẩy mạnh xuất khẩu lao động và khuyến khích con em đi lao động ở các công ty, nhà máy ngoài địa phương. Để góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho gia đình.

Ngoài việc xúc tiến xuất khẩu lao động, địa phương còn khuyến khích và tạo điều kiện cho con em đi làm công nhân ở các công ty, nhà máy trong và ngoài tỉnh. Riêng lĩnh vực này cũng đã giải quyết việc làm cho khá đông lao động trẻ. Thành phố Vinh đã liên kết với các công ty tổ chức tư vấn tuyển dụng lao động tham gia làm việc tại các nước. Kết quả đã ký hợp động và đưa được trung bình hơn 500 lao động đi XKLĐ/năm. Hiện nay số lao động này đang làm ăn khá hiệu quả ở nước ngoài. Đồng thời người lao động được hỗ trợ trong việc giải quyết thủ tục và chính sách hỗ trợ vay vốn...

* + - 1. **Đào tạo và nâng cao tay nghề của người lao động.**

Trước hết là đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư. Xác định muốn chuyển dịch được cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thì trước hết phải thay đổi nhận thức cho người dân, nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật cho người lao động. Kiện toàn ban khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, cử cán bộ chuyên trách làm công tác này - đẩy mạnh việc tập huấn kỹ thuật chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản. Thành phố đã mở được các lớp đào tạo tập huấn khoa học kỷ thuật hàng năm.

Ngoài ra thành phố còn khuyến khích các xã tổ chức tủ sách nhà Nông với rất nhiều đầu sách phổ biến kiến thức về chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình … để người dân dễ dàng tiếp thu khoa học kỹ thuật vào thực tiễn của gia đình cũng như địa phương. Đồng thời hàng năm có tổ chức các hội thi kiến thức về sản xuất – chăn nuôi.

***Ví dụ:*** Hội thi nhà nông đua tài...Hàng năm tổ chức các hội thi sơ tổng kết của nông dân, bình bầu và nêu gương sản xuất kinh doanh giỏi, nhân rộng điển hình. Thông qua đó nông dân có cơ hội giao lưu trao đổi học hỏi về kinh nghiệm sản xuất tốt hơn.

* + - 1. **Một số chính sách đối với người nghèo trong việc phát triển kinh tế giảm nghèo.**

Ngoài các chính sách cơ bản của Nhà nước đối với người nghèo được Chính quyền địa phương thực hiện rất kịp thời, hiệu quả thì thành phố Vinh đã có quy định về việc làm và những chính sách hỗ trợ người nghèo như:

- Hộ nghèo được miễn một phần quỹ đóng góp sức dân xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tất cả những hộ nghèo mà nhà thuộc diện tranh tre dột nát đều được thành phố đầu tư hỗ trợ xây dựng nhà ở mỗi nhà từ 5 – 15 triệu đồng.

Ngoài ra, những hộ nghèo còn được trợ cấp khi ốm đau, hoạn nạn hoặc lễ tết.

Từ việc thực hiện tốt các chính sách của nhà nước đến năm 2010 thành phố Vinh đã hoàn thành việc xoá nhà tranh tre, dột nát cho người nghèo, được Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen. Nhờ tập trung cho việc chỉ đạo phát triển kinh tế nên trong những năm gần đây tỉ lệ hộ khá, giàu tăng nhanh.

Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho các hộ nghèo vay vốn để đầu tư chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển kinh doanh dịch vụ với lãi suất ưu đãi. Đến nay tổng dư nợ vốn vay ngân hàng chính sách xã hội cho các hộ nghèo vay ưu đãi trên địa bàn các xã, phường lên đến hàng trăm tỷ đồng.

Ngoài ra, phong trào góp phường, hội tạo điều kiện giúp đỡ nhau tạo nguồn vốn cho hộ nghèo ở các tổ chức đoàn thể như hội Phụ nữ, hội Nông dân, hội Cựu chiến binh ngày càng được nhân rộng. Từ đó các hội viên nghèo có thêm nguồn vốn đầu tư cho sản xuất, thời gian vay dài mà không tính lãi suất.

### 2.3.3.4 Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi.

*- Về giao thông:*

Hoàn thành và đưa vào sử dụng đường 72m nối liền thành phố Vinh đến Cửa Lò là điều kiện thuận lợi cho địa phương phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại. Nhận thấy rõ vai trò của giao thông trong việc lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế, chính vì vậy bằng nhiều nguồn đầu tư và huy động nội lực của địa phương đã tập trung chỉ đạo các phường xã xây dựng hệ thống giao thông, các xã tích cực lồng ghép vào thực hiện tiêu chí giao thông trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

*- Về cơ sở vật chất kỹ thuật:*

Cùng với phát triển mạng lưới giao thông thì thành phố tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học, trạm y tế đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học cũng như khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Hiện nay thành phố đã có nhiều trường Mầm Non, trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Mạng lưới điện hạ thế và thông tin liên lạc cũng được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện tốt cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Với những hoạt động trên, đến cuối năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm mạnh từ 0,75% vào năm 2015 xuống còn 0,17 năm 2021 theo chuẩn mới, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 1,12% xuống còn 0,56%.

**Bảng 2: Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2015 – 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số hộ nghèo** | **Tỷ lệ hộ nghèo** | **Số hộ cận nghèo** | **Tỷ lệ hộ cận nghèo** |
| 2015 | 558 | 0,75 | 827 | 1,12 |
| 2016 | 470 | 0,63 | 741 | 1 |
| 2017 | 396 | 0,52 | 681 | 0,9 |
| 2018 | 311 | 0,41 | 605 | 0,79 |
| 2019 | 210 | 0,26 | 518 | 0,65 |
| 2020 | 150 | 0,18 | 445 | 0,55 |
| 2021 (theo chuẩn nghèo mới) | 144 | 0,17 | 480 | 0,56 |

*Nguồn: UBND thành phố vinh*

### 2.3.4 Nguyên nhân và hạn chế.

### 2.3.4.1 Nguyên nhân của những yếu kém trong công tác giảm nghèo.

*- Một là,* Trong chiến tranh thành phố Vinh là tâm điểm bắn phá của giặc Mỹ, khi hoà bình hậu quả chiến tranh để lại nặng nề. Về địa giới, thành phố Vinh là vùng gần biển nên hàng năm chịu ảnh hưởng không nhỏ của bão lụt, hạn hán dẫn đến hiệu quả của các ngành nông nghiệp đạt kết quả chưa cao, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế của địa phương.

*- Hai là,*  Một bộ phận lao động của địa phương xuất phát từ nông dân nên khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, ngư nghiệp thì họ vẫn còn nhiều bỡ ngỡ. Bên cạnh đó lao động chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu tác phong công nghiệp nên họ khó trở thành công nhân giỏi trong các nhà máy, xí nghiệp.

- *Ba là,* Hệ thống cơ chế chính sách đối với người nghèo còn thiếu và không đồng bộ như cơ chế chính sách cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nghèo, vùng khó khăn; chính sách khuyến khích sản xuất; vốn tín dụng; hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công …; Chính sách trong giáo dục đào tạo; y tế; đất đai …

Từ những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo không phải ngày một, ngày hai có thể khắc phục được, phải cần đến một quá trình lâu dài và một hệ thống giải pháp đồng bộ và sự vào cuộc của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều thành phần xã hội mới giải quyết được.

### 2.3.4.2 Những hạn chế trong công tác giảm nghèo.

+ Những yếu kém tồn tại trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch đúng hướng nhưng đang còn chậm, chưa thực sự rõ nét, hiệu quả nền kinh tế còn thấp. Cụ thể tỉ trọng nông nghiệp còn cao.

*+ Về nuôi trồng thuỷ sản:* Mặc dù đây là một nghề mới, bước đầu đã đem lại thu nhập cao cho khá nhiều hộ, tạo được công ăn việc làm cho hàng trăm lao động nhưng bên cạnh đó công tác quản lý môi trường còn yếu kém dẫn đến tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm, dịch bệnh xẩy ra làm ảnh hưởng đến năng suất nuôi và đe doạ lớn đến thu nhập của người dân; có những hộ chăn nuôi bị mất trắng cả vốn đầu tư do tôm bị bệnh, nguy cơ rơi vào nghèo cao.

*+ Về phát triển ngành nghề, dịch vụ:*

Mặc dù đã có sự phát triển mạnh về ngành nghề, dịch vụ đặc biệt là nghề chiếu cói nghề mây tre đan và nghề chẻ tăm hương xuất khẩu nhưng trong năm qua vẫn chưa phát huy, khai thác hết tiềm năng và thế mạnh của các xã thuộc địa bàn Các ngành nghề khác cũng thế, đang phát triển theo kiểu tự phát. Ví dụ như nghề mộc dân dụng, cơ khí … Chính quyền chỉ mới tạo được một cơ chế chính sách để khuyến khích, còn vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực này còn kém và chưa có biện pháp tốt để nâng cao hiệu quả.

+ Mặc dù cấp uỷ, chính quyền luôn quan tâm, song công tác đào tạo nghề

+ Đối với công tác tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động cơ bản tập trung vào nghề chiếu cói và Mây tre đan mà chưa quan tâm đến đào tạo các nghề khác như: kỹ thuật chăn nuôi, thâm canh…

+ Sản phẩm làm ra chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của khách hàng nên sức cạnh tranh có lúc còn hạn chế. Nguồn nguyên liệu và đầu ra của sản phẩm chưa ổn định, chưa thực sự tạo niềm tin cho lao động.

Chính những yếu tố đó đã làm cho người lao động chưa thực sự có niềm tin vào nghề mây tre chẻ tăm hương nên công tác đào tạo nghề còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao.

+ Chính quyền chỉ mới dừng lại ở khâu giao dịch phối hợp với các ngân hàng để tạo điều kiện cho vay vốn mà chưa huy động được nguồn vốn tại địa phương như chưa thành lập quỹ tín dụng, mức cho vay thấp, chưa chú trọng vào việc tập trung cho hộ nghèo có nhu cầu lớn trong việc vay vốn đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn vay ưu đãi đôi lúc còn sai đối tượng .

+ Do nguồn vốn đầu tư hạn chế, ngân sách địa phương còn gặp nhiều khó khăn, lại xuất phát từ một xã nghèo, các công trình hạ tầng cơ sở, công trình phúc lợi còn thiếu thốn, số đã có thì lại xuống cấp nghiêm trọng. Việc quản lý các công trình vừa mới được bàn giao đưa vào sử dụng đã bị xuống cấp (như công trình hệ thống thuỷ lợi phục vụ sản xuất thuộc dự án cấp nước sản xuất nông nghiệp).

+ Việc thực hiện chính sách cho người nghèo đôi lúc còn chậm và chưa chính xác.

+ Việc rà soát xác định bình xét hộ nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm ở một số khối, xóm còn thiếu chính xác, thiếu khách quan. Nguy cơ tái nghèo cao. Do năng lực của một số cán bộ xóm còn yếu, đôi lúc còn nể nang và tư tưởng cục bộ, việc bình xét hộ nghèo và thoát nghèo chưa thật dân chủ, công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới còn nhiều quan liêu, xa rời thực tế.

+ Chất lượng một số dịch vụ đối với người nghèo còn thấp như:

Về y tế: Tất cả người nghèo trong các hộ nghèo được cấp thẻ BHYT nhưng chất lượng khám và điều trị bệnh nhân có thẻ BHYT còn thấp, đặc biệt là tuyến xã. Thuốc BHYT chỉ là những loại thuốc thông thường, rẻ tiền, khả năng và hiệu

Về giáo dục: việc thực hiện ưu đãi trong giáo dục chỉ mới dừng lại ở việc thực hiện các chính sách của Nhà nước.

+ Công tác xoá nhà tranh tre dột nát cho người nghèo đã thực hiện tốt và hoàn thành chỉ tiêu về xoá nhà tranh tre, nứa mét cho người nghèo, song mức đầu tư thấp, khả năng cung góp tiền xây dựng của người nghèo theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm là không đáng kể. Do vậy những ngôi nhà mới làm nhanh chóng bị xuống cấp hoặc có nhiều hạn chế trong sử dụng dẫn đến tình trạng xoá nhà tranh tre để xây một loại nhà tạm khác.

+ Đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo còn non kém, chưa xác định được xoá đói giảm nghèo phải làm gì, làm như thế nào. Hầu hết thành viên Ban chỉ đạo xoá đói giảm nghèo còn làm kiêm nhiệm nên vai trò, trách nhiệm và hiệu quả chưa cao. Mặt khác, đội ngũ này lại ít được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, về công tác xoá đói giảm nghèo.

+ Đối với một số bộ phận nhân dân: Một số bộ phận nhân dân coi việc xoá đói giảm nghèo là trách nhiệm của cấp trên và của người nghèo chứ không phải là việc của mình. Họ cho rằng nghèo là do lười nhác, do đông con, do nghiện ngập và như thế nghèo là đương nhiên, một số khác thì thờ ơ, vô cảm trước sự nghèo

+ Đối với bản thân người nghèo, hộ nghèo: Rất nhiều người nghèo còn có thái độ tự ti mặc cảm với xã hội, ít tham gia sinh hoạt, hoà nhập cộng đồng. Điều này gây khó khăn cho việc vận động tuyên truyền và phổ biến các kiến thức khoa học kỹ thuật vào đời sống cho người nghèo. Một số khác thì ỉ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước, cộng đồng. Họ không muốn thoát nghèo, vì nghèo

Những yếu kém tồn tại trên đây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

**CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM NGHÈO Ở THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN TRONG THỜI GIAN TỚI.**

# 3. Phương hướng và mục tiêu giảm nghèo.

## 3.1 Phương hướng.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nhận thức đúng quan điểm của Đảng, công tác xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành và đoàn thể. Vì vậy phải phát huy vai trò các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể nhất là ban xóa đói giảm nghèo và trách nhiệm của toàn thể nhân dân. Đặc biệt là sự nỗ lực của bản thân các hộ nghèo, phải có ý thức trách nhiệm tự mình vươn lên, biết sử dụng các điều kiện ưu đãi của Đảng, nhà nước và các tổ chức quần chúng.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và kinh nghiệm về công tác xóa đói giảm nghèo cho cán bộ hội ở cơ sở, để hội thực sự đóng vai trò nòng cốt trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Coi công tác xóa đói giảm nghèo là một chỉ tiêu thi đua, là nhiệm vụ trọng tâm là thước đo năng lực của người cán bộ khi được phân công phụ trách.

Trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm. Kịp thời biểu dương những tập thể và cá nhân có thành tích cao trong công tác xóa đói giảm nghèo ở các phường, xã.

Xác định công tác giảm nghèo là một nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ngành. Vì vậy phải tăng cường đẩy mạnh các hoạt động về dịch vụ hỗ trợ, tạo việc làm cho người lao động.

Lấy nhu cầu thị trường làm định hướng phát triển kinh tế một cách hợp lý tránh sản xuất không đi đôi với tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Tích cực đào tạo và chuyển dần lực lượng lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch theo hướng thuận lợi và lâu dài ổn định.

Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tần phục vụ đời sống dân sinh, phục vụ sản xuất và nâng cao trình độ dân trí, nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa người giàu và nghèo, tiến tới một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

## 3.2 Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát:

Tập trung mọi nguồn lực xã hội để đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo hiệu quả và bền vững. Từng bước khống chế, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về điều kiện sinh hoạt, về mức sống giữa khu vực nội thành và ngoại thành. Phấn đấu đảm bảo mức giảm trung bình 0,01% đến 0,02% hộ nghèo/năm

- Mục tiêu cụ thể:

Ổn định tương đối số hộ nghèo diện bất khả kháng theo biến động cơ học hàng năm.

Ưu tiên nguồn lực cho hoạt động thoát nghèo bằng mọi hình thức (kể cả chế tài hành chính). Kiềm chế rơi vào nghèo mới bằng việc tạo mọi điều kiện để hộ cận nghèo vươn lên trung bình khá, khống chế phát sinh hộ cận nghèo.

## 3.3. Các giải pháp cở bản để giảm nghèo ở thành phố vinh trong thời gian tới.

Trên cơ sở thuận lợi và khó khăn của thành phố Vinh đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảm nghèo như sau:

### 3.3.1. Hoạt động tuyên truyền

Tăng cường hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo theo chính sách an sinh xã hội thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh, Thành phố đến tận khối, xóm và người nghèo, hộ nghèo.

Bằng nhiều hình thức tuyên truyền phù hợp với nhu cầu xã hội, trong đó tập trung cho công tác tuyên truyền lưu động, trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua hệ thống truyền thanh phường xã, qua Bản tin thành phố, các lớp tập huấn, các cuộc họp chuyên đề, tờ rơi, vận động trực tiếp, sinh hoạt khối xóm và các buổi tư vấn cộng đồng về ý thức, về tính tự trọng trong cuộc sống của bản thân và gia đình hộ nghèo để họ chủ động phát huy ý thức tự lập, sớm vươn lên thoát nghèo nhanh, không nên trông chờ, ỷ lại vào sự trợ giúp của nhà nước, của đoàn thể xã hội.

Tuyên truyền sâu rộng các gương điển hình thoát nghèo, các mô hình làm kinh tế hộ nghèo có hiẹu quả và các chủ trương chính sách giảm nghèo của nhà nước, nội dung của chương trình giảm nghèo, xoá nghèo để nhân dân học tập.

### 3.3.2. Hoàn thiện công tác chỉ đạo - điều hành và cơ chế thực hiện

### 3.3.2.1 Cấp cơ sở:

- Kiện toàn, củng cố lại Ban chỉ đạo giảm nghèo phường xã thực sự đủ năng lực thực hiện chương trình giảm nghèo và các chính sách, dự án về giảm nghèo, UBND xã phường chủ động khâu nối, phối hợp và tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch giảm nghèo ở địa phương mình theo hướng:

Đầu năm kế hoạch, căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo của năm thực hiện liền kề để ban chỉ đạo giảm nghèo tiến hành nhận dạng hộ nghèo trên cơ sở đặc điểm của hộ nghèo đã điều tra, Khảo sát thêm để xác định rõ nguyên nhân nghèo, nguyện vọng của hộ, thực trạng cuộc sống của hộ và khả năng của hộ để phục vụ phân loại hộ nghèo, tiến hành phân loại hộ theo 4 nhóm hộ nghèo để xây dựng giải pháp cụ thể cho từng nhóm hộ : nguyên nghèo (bất khả kháng); có khả năng thoát nghèo, dự tính số có khả năng rơi vào nghèo mới, trình UBND xã, phường xem xét.UBND xã phường kiểm tra, rà soát khả năng, nhu cầu của hộ theo nhóm hộ để quyết định cách thức hỗ trợ thoát nghèo dựa trên các yểu tố sau:

\* Khả năng hỗ trợ của các doanh nghiệp về giải quyết việc làm.

\* Chỉ tiêu đào tạo nghề của các cơ sở, các trường nghề .

\* Các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo hiện hành trong năm.

\* Các chính sách ưu đãi hộ nghèo thoát nghèo, gồm:

+ Tín dụng ưu đãi hộ nghèo, ưu đãi HS -SV (qua ngân hàng chính sách xã hội): Riêng vốn tín dụng giảm nghèo được trích từ ngân sách thành phố hàng năm (khoảng 500 triệu đồng) thì tập trung ưu tiên cho các hộ nghèo diện chính sách xã hội, hộ thu nhập thấp ( cận nghèo), hộ mới thoát nghèo (được vay thêm 1 chu kỳ để tránh tái nghèo) và những hộ nghèo của các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao theo cơ chế phối hợp giữa ngành LĐ- TBXH với Ngân hàng chính sách xã hội Thành phố, vay vốn giải quyết việc làm, vay vốn đi xuất khẩu lao động

\* Các chính sách hộ trợ về nhà ở, gồm:

+ Hỗ trợ hộ nghèo xây mới, sửa chữa nhà ở.

+ Hộ trợ hộ nghèo sửa chữa, nâng cấp nhà ở từ các quỹ Vì người nghèo, quỹ ĐƠĐN và các hỗ trợ hảo tâm tự nguyện khác.

\* Các chính sách xã hội, gồm:

+ Cấp thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội.

+ Miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên con hộ nghèo, cận nghèo.

+ Vận động quyên góp ủng hộ dụng cụ lao động, vật tư sản xuất, tặng sách vở, đồ dùng học tập, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó.

+ Trợ cấp hàng tháng các đối tượng BTXH.

+ Hộ trợ từ ngân sách thành phố trợ cấp thường xuyên cho hộ nghèo có người già yếu, có người bị bệnh hiểm nghèo không có khả năng thoát nghèo (phòng LĐ - TBXH Thành phố tham mưu thực hiện)

+ Hộ trợ tiền điện hàng tháng cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

+ Trợ cấp khó khăn đột xuất

Ngoài các cơ chế, chính sách như đã nêu trên, UBND phường, xã chủ động tiếp cận, phối hợp, lồng ghép để thực hiện kế hoạch giảm nghèo cho hộ nghèo của địa phương mình theo các Đề án của thành phố, gồm:

+ Đề án Quy hoạch và xây dựng các cụm CN, phát triển CN - TTCN, xây dựng làng nghề, phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và phát triển công nghiệp công nghệ cao;

+ Đề án Phát triển nông nghiệp hàng hóa ngoại thành gắn với xây dựng chương trình nông thôn mới

+ Dự án xây dựng Khu công nghệ cao tại xã Hưng Hòa

+ Đề án hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, làng nghề và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 – 2025.

+ Đề án vận động, khuyến khích, hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Vinh giai đoạn 2020 – 2025, tính đến năm 2030.

+ Các Chương trình mục tiêu, các đề án, dự án khác khi được triển khai.

+ Tổng hợp tình hình (cách thức và phương án hỗ trợ) và chủ động lập kế hoạch hỗ trợ thoát nghèo, giảm nghèo cụ thể trong năm kế hoạch (Trong tổng thể kế hoạch 5 năm 2021-2025 của phường xã). Báo cáo UBND thành phố (Ban chỉ đạo GNTP) để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; Đồng thời chỉ đạo Ban giảm nghèo phối hợp với các tổ chức, ban ngành đoàn thể và các khối xóm trưởng trực tiếp hướng dẫn hộ nghèo thực hiện các quy trình hỗ trợ thoát nghèo, giảm nghèo theo từng nhóm hộ đã phân loại

+ Tổ chức chỉ đạo kiểm tra, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch giảm nghèo và tiến hành rà soát, phân loại hộ nghèo, cận nghèo theo quy trình hướng dẫn của Bộ LĐ -TBXH hàng năm. Tổng hợp báo cáo kết quả về UBND thành phố.

### 3.3.2.2 Cấp thành phố:

+ Triển khai các Văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh, Thành phố; chương trình, mục tiêu, các đề án dự án về giảm nghèo và đôn đốc, hướng dẫn phường xã cùng triển khai tổ chức thực hiện.

+ Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên BCĐ giảm nghèo thành phố, tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch giảm nghèo của các phường xã, các đối tượng được thụ hưởng.

+ Tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giảm nghèo hàng năm theo quy định.

## 3.4. *Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu, tận dụng thế mạnh của địa phương*

**-** Thực tế trong những năm gần đây, với nhiều biện pháp tích cực thì cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động đã có sự thay đổi khá rõ nét. Nhận thức được tầm quan trọng trong việc xoá đói giảm nghèo, thành phố Vinh đang xây dựng và thực hiện một số chính sách ưu đãi hỗ trợ cho việc phát triển sản xuất, chăn nuôi như hỗ trợ một phần vật tư, giống, hướng dẫn việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng mùa vụ được chú trọng. Về phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp đưa ra cơ chề khuyến khích trong việc học nghề, xây dựng làng có nghề thành làng nghề để được UBND Tỉnh công nhận làng nghề với mức thưởng của địa phương từ 5 đến 7 triệu đồng cho mỗi làng (được trích từ nguồn ngân sách phát triển kinh tế của địa phương).

**-** Tập trung đầu tư nâng cấp các chợ: Chợ Cọi – Hưng Lộc, Chợ Hưng Dũng, Chợ mới – Trường Thi và xây dựng thêm Chợ Hưng Phúc đã tạo việc làm cho trên 500 lao động có thu nhập ổn định từ hệ thống dịch vụ thương mại này đã tạo điều kiện tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp như các loại rau quả, các sản phẩm chăn nuôi kích thích sản xuất nông nghiệp phát triển.

**-** Thực hiện công tác tạo việc làm tại chỗ kết hợp xuất khẩu lao động trên cơ sở áp dụng các chính sách hỗ trợ đối với người nghèo.

- Để phát triển mạnh nghề truyền thống trên địa bàn, cần phải đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đa dạng hóa các loại hình, mẫu mã sản phẩm để đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Tập trung chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động bằng cách liên kết với các công ty xuất khẩu lao động có uy tín, có hiệu quả. Tổ chức hội thảo xúc tiến xuất khẩu lao động để cho người lao động, trong đó đa số là con em của hộ nghèo có cơ hội tìm hiểu và tham gia xuất khẩu lao động.

## 3.5 *Tập trung nguồn lực đầu tư cho vùng nghèo, hộ nghèo.*

**-**  Đối tượng cần tập trung đầu tư là các cụm dân cư nghèo, hộ nghèo: Hướng đầu tư chính sách hỗ trợ là đầu tư xây dựng trước các công trình đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của nhân dân để đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế ổn định cuộc sống. Với phương châm là nơi khó làm trước nơi dễ làm sau, nơi nghèo làm trước, nơi không nghèo làm sau. Góp phần đảm bảo sự công bằng xã hội và thúc đẩy những nơi có điều kiện khó khăn hơn chủ động huy động nguồn lực tại chỗ cho xóa đói giảm nghèo. Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích người nghèo, hộ nghèo thoát nghèo, đảm bảo mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững, chống tái nghèo có hiệu quả.

**-**  Chính quyền cần chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, dự án về giảm nghèo.

+ Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo: Nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo được thực hiện thông qua ngân hàng chính sách xã hội với mục đích cung cấp tín dụng ưu đãi kịp thời cho tất cả các hộ nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn sản xuất kinh doanh với lãi suất thấp. Trên thực tế, mô hình tổ vay vốn là nơi mà người nghèo có thể chia sẻ tâm tư, tình cảm, nguyện vọng là nơi người nghèo được gần gũi động viên, được giúp đỡ về nhiều mặt, giúp cho người nghèo thoát khỏi mặc cảm, tự ti để vươn lên. Cũng chính từ tổ vay vốn cùng người nghèo được trực tiếp hướng cách làm ăn có hiệu quả nhất.

+ Chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế: Mục tiêu là trợ giúp người nghèo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu miễn giảm phí khám chữa bệnh bằng các hình thức như cấp thẻ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh nhân dân. Hàng năm vào cuối năm sau khi rà soát phân loại đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, Phòng Lao động TBXH thành phố phối hợp với UBND các phường, xã, BHXH tỉnh Nghệ An triển khai ngay việc lập hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng cho trạm y tế như xây dựng phòng khám, phòng hộ sinh, phòng tư vấn.... các trang thiết bị và vật tư y tế phải đảm bảo cho công tác khám và điều trị ở tuyến cơ sở. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ở cơ sở

+ Chính sách hỗ trợ người nghèo về giáo dục: Miễn giảm học phí và các khoản đóng góp khác, hỗ trợ vở viết, sách giáo khoa cho học sinh nghèo. Cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, khuyến khích học sinh nghèo học giỏi bằng các giải thưởng và chế độ ưu đãi khác. Động viên giáo viên các trường dạy kèm các học sinh học yếu, giúp các em theo kịp chương trình. Động viên, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia giúp đỡ người nghèo nâng cao trình độ học vấn, nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng để người nghèo có cơ hội học tập nâng cao trình độ, kiến thức. Phối hợp với các trung tâm khuyến nông, ngư, công, các trung tâm giáo dục thường xuyên để mở các lớp tập huấn ngắn ngày để phổ biến khoa học kỹ thuật, phương pháp sản xuất, chăn nuôi cho người nghèo; hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo.

## 3.6 *Thực hiện tốt hơn chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở*

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương về hỗ trợ người nghèo về cải thiện nhà ở theo phương châm bản thân hộ nghèo, cộng đồng và nhà nước cùng chăm lo cải thiện nhà ở cho người nghèo. Trước hết ưu tiên cho đối tượng hộ nghèo thuộc diện chính sách, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phong trào "ngày vì người nghèo" thu hút sự ủng hộ của các thành phần kinh tế, các tổ chác chính trị, Chính trị - Xã hội, các tầng lớp dân cư để tạo thêm nguồn lực thực hiện chương trình xóa nhà ở tạm bợ cho người nghèo.

Vận động nhân dân giúp đỡ hộ nghèo sửa chữa nhà ở. Giao cho các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm giúp đỡ hội viên của mình sửa chữa nhà ở. Tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ người nghèo xây dựng nhà ở theo chương trình 167 của Chính phủ. Hiện nay thành phố Vinh đã xóa xong nhà dột nát tạm bợ cho hộ nghèo nhưng việc cải thiện và nâng cấp nhà ở cho một số đối tượng này đang cần một nguồn lực rất lớn đòi hỏi sự nỗ lực của bản thân người nghèo, của chính quyền địa phương và toàn xã hội.

## 3.7 Kiến nghị.

### 3.7.1 kiến nghị đối với thành phố vinh.

Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "vì người nghèo" rộng hơn sâu hơn thường xuyên hơn để cho mỗi địa phương và trong mỗi con người luôn có một ý thức vì người nghèo để việc giúp đỡ hỗ trợ người nghèo trở thành một phong trào rộng khắp.

Tiếp tục đầu tư, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm cho các xã nghèo kết cấu hạ tầng còn thấp như: Điện, đường, trường, trạm...Sớm hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới ở các xã còn lại.

### 3.7.2 kiến nghị đối với tỉnh và trung ương.

**-** Cần tiếp tục sửa đổi, điều chỉnh một số chính sách ưu đãi đối với người nghèo, ví dụ:

+ Kéo dài thêm chính sách ưu đãi với những hộ mới thoát nghèo thêm vài năm để họ có điều kiện phát triển kinh tế thoát nghèo bền vững, chống tái nghèo.

+ Đề nghị điều chỉnh lại các điều kiện tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện (mới ban hành) bởi thu nhập của người nông dân (Đặc biệt là khu vực có thu nhập thấp) không thể đáp ứng được các điều kiện để mua bảo hiểm y tế tự nguyện. Mà như thế khi họ không may bị đau ốm bệnh tật hoạn nạn thì rất dễ rơi vào nghèo vì chi phí chữa bệnh quá lớn.

+ Về điều kiện cho vay vốn với lãi suất ưu đãi người nghèo còn khắt khe nhiều gia đình hộ nghèo không đáp ứng được, nhiều hộ nghèo không có cơ hội để vay vốn, mức cho vay thấp không đủ để đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

***Ví dụ***: Một hộ nghèo được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất và trên thực tế khi hộ đó có nhu cầu về nguồn vốn để hoặc mua máy móc, thiết bị đầu tư cho sản xuất, chăn nuôi thì dù đã được công nhận là hộ nghèo nhưng khi có dự án vay vốn ưu đãi hộ trợ cho người nghèo thì hộ đó không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giao dịch và đương nhiên họ sẽ không được vay vốn. Bên cạnh đó bởi hộ nghèo nên nguồn vốn do ngân hàng thẩm định chỉ được vay với mức rất thấp.

- Đề nghị tăng cường tập huấn đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về công tác xóa đói giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ.

- Đề nghị hỗ trợ về kinh phí cũng như các yếu tố khác cho địa phương trong việc đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho người lao động; Tiếp tục đầu tư cho các địa phương khôi phục và phát triển các làng nghề nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn. Đồng thời tạo đầu ra cho sản phẩm các làng nghề.

1. **KẾT KUẬN**

Cùng với xu thế phát triển chung của thế giới và khu vực, đất nước ta đang trên đà phát triển, chỉ số phát triển kinh tế khá cao so với các nước trong khu vực, đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên bên cạnh sự giàu lên của khá đông nhân dân thì vẫn còn một bộ phận nhân dân vẫn còn sống dưới mức nghèo khổ, nguy cơ người có khả năng rơi vào nghèo vẫn còn cao, khoảng cách giàu nghèo ngày càng giãn ra.

Xóa đói giảm nghèo là cuộc đấu tranh vất vả, cam go và lâu dài chỉ có thể thành công nếu được thực hiện theo hướng bền vững. Xóa đói giảm nghèo theo hướng bền vững tức là phát triển vốn nhân lực của người nghèo, tạo môi trường và điều kiện cho người nghèo có cơ hội trong phát triển thoát nghèo, vươn lên no ấm. Đây cũng chính là giải quyết mối quan hệ giữa xóa đói giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội. Xóa đói giảm nghèo theo hướng bền vững không chỉ tạo điều kiện cho tăng trưởng mà còn nâng cao năng lực cho người nghèo, tạo môi trường ổn định về chính trị xã hội cho phát triển kinh tế.

Để làm được điểm này, trước hết đòi hỏi nhà nước phải có một hệ thống cơ chế đồng bộ hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đồng thời bản thân người nghèo phải có ý thức vươn lên để thoát khỏi đói nghèo. Một yếu tố hết sức quan trọng nữa là toàn xã hội phải vào cuộc chiến chống đói nghèo thì chúng ta mới giành được thắng lợi.

Kết quả công tác xóa đói giảm nghèo ở thành phố Vinh từ năm 2000 đến nay đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Đó là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng, Chính quyền và cả hệ thống chính trị. Công tác tuyên truyền sâu rộng và sự vào cuộc của tất cả các tổ chức mặt trận đoàn thể, nhân dân được tổ chức dưới nhiều hình thức phương pháp đã tạo thành sức mạnh tổng hợp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả.

Chương trình xóa đói giảm nghèo đã hợp với ý Đảng, lòng dân vì vậy đã khơi dậy tiềm năng và huy động nội lực của nhân dân, đặc biệt là các nguồn lực tại chỗ của cộng đồng, của doanh nghiệp, nguồn lực của trung ương và địa phương, trong nước và quốc tế; Khai thác được về thế mạnh và tiềm năng của các nguồn lực như vị trí địa lý, lao động đất đai, vốn, khoa học kỹ thuật, thị trường để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Về cơ bản đã triển khai các giải pháp, cơ chế về chính sách chương trình, dự án, hướng dẫn kinh nghiệm làm ăn, phát triển mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả vào những đối tượng khó khăn và khó khăn nhất. Các chương trình về xóa đói giảm nghèo ngày càng được ưu tiên các mục tiêu của chương trình ngày càng được nâng cao. Từ chỗ giải quyết những nhu cầu thiết yếu như vấn đề ăn, mặc, ở cho người nghèo thì hiện nay mục tiêu xóa đói giảm nghèo đã được nâng cao hơn đó là chú trọng vào việc nâng cao chất lượng sống cho người nghèo để họ được tiếp cận các dịch vụ cơ bản có chất lượng cao như đời sống văn hóa, phát triển giáo dục y tế.

**D. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1 Nghị quyết sô 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 *chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo* giai đoạn 2021- 2025.

2 Trần Phước Huy chuyên đề tốt nghiệp *thực trạng và giải pháp xóa đói giảm nghèo huyện quảng điền tỉnh thừa thiên huế* 2007 – 2011.

3 Phạm Duy Hưng Báo cáo thực tập tốt *nghiệp thực trạng và giải pháp giảm nghèo bền vũng ở xã trà tân huyện đức linh tỉnh bình thuận* 2014.

4 Văn Giáp, Vân Anh Nguyễn Vân Anh *chính sách xóa đói giảm nghèo mục tiêu xuyên sốt trong quá trình xây dựng đất nước*.

5 Xóa đói giảm nghèo mục tiêu xuyên suốt trong quá trình xây dựng đất nước (*ĐCSVN) - Giảm nghèo bền vững luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là chủ trương nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, nhằm bảo đảm quyền con người và thực hiện các mục tiêu phát triển của LHQ.*

6 Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về giải quyết vấn đề xã hội.

7 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 Thủ tướng *Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững* giai đoạn 2016 – 2020.

8 Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê *duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững* giai đoạn 2021 – 2025.

9 Thủ tướng Phạm Minh Chính phát động Phong *trào thi đua chung tay Xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn cả nước từ nay đến năm 2025.*

10 Thứ trưởng Lê Văn Thanh làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế về *thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.*

11 Bộ lao động thương binh và xã hội Cẩm nang Phần II về *cơ chế, chính sách về giảm nghèo* giai đoạn 2021-2025.